

Số: 20/QĐ-THC

Hải Dương, ngày 29 tháng 07 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Quy trình tự kiểm tra chất lượng dịch vụ
phát thanh truyền hình

GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN HÌNH CẤP HẢI DƯƠNG

Căn cứ vào Điều lệ của Công ty Cổ phần Truyền hình cấp Hải Dương;
Căn cứ Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;
Căn cứ thông tư số 24/2016/TT-BTTTT ngày 15/11/2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông về quản lý chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình;
Căn cứ nội dung cuộc họp cán bộ chủ chốt ngày 26 tháng 07 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình tự kiểm tra chất lượng dịch vụ phát thanh truyền hình của Công ty Cổ phần Truyền hình cấp Hải Dương

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 08 năm 2021 và thay thế Quyết định khác có nội dung liên quan (nếu có).

Điều 3. Các ông/bà Trưởng, phó phòng, các bộ phận liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3
- Lưu TC-HC



Nguyễn Đức Điền

Số: 01/QĐ-THC

Hải Dương, ngày 29 tháng 07 năm 2021

**QUY TRÌNH TỰ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ
PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-THC ngày 29 tháng 07 năm 2021)

I. Mục đích

Quy định các bước thực hiện trong công tác tự đo kiểm, đánh giá và báo cáo chất lượng dịch vụ của Công ty Cổ phần Truyền hình cấp Hải Dương trên toàn bộ hệ thống truyền dẫn.

Tạo ra cơ sở và căn cứ để kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả công tác vận hành đảm bảo chất lượng dịch vụ của Công ty Cổ phần Truyền hình cấp Hải Dương.

II. Phạm vi áp dụng

Quy trình được áp dụng cho toàn bộ hệ thống mạng truyền hình cáp do công ty cung cấp.

III. Quy định chung

1. Quy định về đo kiểm

Số điểm đo tối thiểu tương ứng với số lượng các điểm kết nối thuê bao trên địa bàn toàn tỉnh.

Thời gian thực hiện đo kiểm: 1 năm 2 lần vào tháng 1 và tháng 7 hàng năm.

Đánh giá kết quả đo và đề xuất phương án khắc phục (trong trường hợp chất lượng tín hiệu không đạt chuẩn).

Lập “Báo cáo kết quả đo kiểm” chi tiết.

2. Quản lý, sử dụng số liệu

Gửi “Báo cáo kết quả đo kiểm” đến Ban Lãnh đạo Công ty.

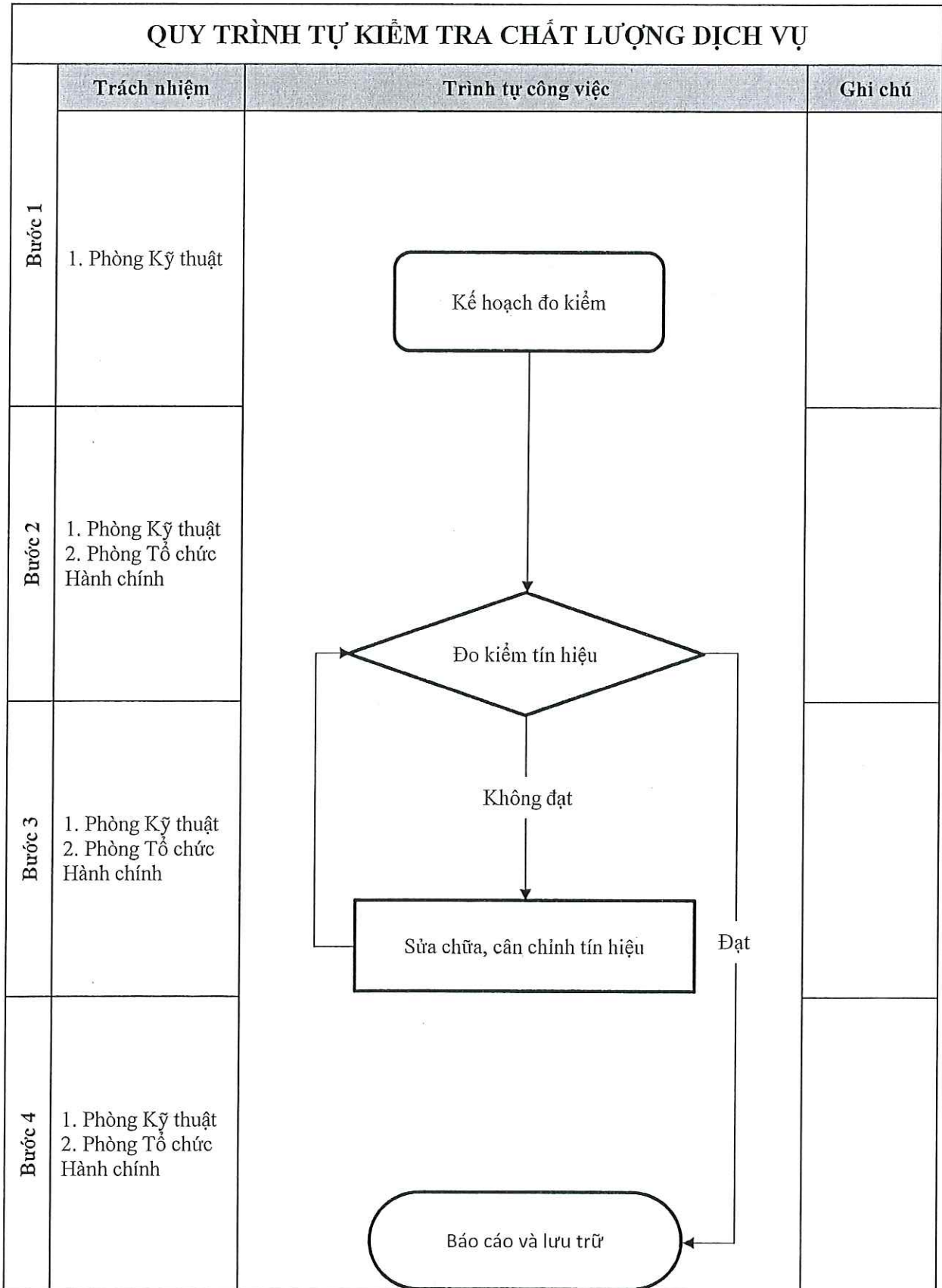
Thực hiện báo cáo “Báo cáo định kỳ chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình” tới Cục phát thanh truyền hình và thông tin điện tử & Sở Thông tin và Truyền thông trước ngày ba mươi (30) của tháng một (01) và trước ngày ba mươi (30) tháng bảy (07) hàng năm.

Báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Ban Lãnh đạo Công ty, hoặc cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Hỗ trợ các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thăm tra số liệu khi có yêu cầu.

Lưu trữ các số liệu tài liệu sử dụng để lập báo cáo chất lượng dịch vụ ít nhất hai mươi bốn (24) tháng kể từ ngày báo cáo.

IV. Lưu đồ quy trình



V. Diễn giải quy trình

Bước 1: Lập kế hoạch đo kiểm

Phòng Kỹ thuật lập kế hoạch đo kiểm trên hệ thống truyền dẫn 1 năm 2 lần vào tháng 1 và tháng 7 hàng năm.

Bước 2: Tiến hành đo kiểm

Phòng Kỹ thuật phối hợp cùng Phòng Tổ chức Hành chính tiến hành đo kiểm tại các vị trí điểm cấp tín hiệu cho thuê bao, sử dụng các thiết bị đo chuyên dụng để đo kiểm tín hiệu.

Kết quả đo kiểm cần phải đáp ứng theo **Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, số: 87:2015/BTTTT**, của Bộ Thông tin và Truyền thông Việt Nam

Bước 3: Sửa chữa, căn chỉnh tín hiệu

Khi đo kiểm các thông số không đáp ứng các yêu cầu như trong quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thì cần phải kiểm tra, căn chỉnh, xử lý các sự cố để đảm bảo tín hiệu cung cấp dịch vụ.

Trong trường hợp sự cố lớn, phải báo với Lãnh đạo Công ty để quyết định phương án xử lý.

Bước 4: Báo cáo và lưu trữ kết quả đo kiểm

Phòng Tổ chức Hành chính phối hợp cùng Phòng Kỹ thuật tập hợp các kết quả đo, làm “Báo cáo chất lượng dịch vụ phát thanh truyền hình” theo mẫu 01 và 02 để gửi báo cáo Cục phát thanh truyền hình & Thông tin điện tử và Sở Thông tin & Truyền thông.

Phòng Tổ chức Hành chính có trách nhiệm lưu trữ kết quả đo kiểm và báo cáo chất lượng dịch vụ.



Nguyễn Đức Điền

DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU ĐO KIỂM ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ TRUYỀN HÌNH

I. TRUYỀN HÌNH ANALOG

STT	Tên chỉ tiêu	Mức theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia	Ghi chú
		QCVN 87:2015/BTTTT	
1	Băng tần hoạt động (MHz)	87,5-862	
2	Mức Tín hiệu cao tần (dB μ V)	60÷80	
3	Tỷ số công suất sóng mang hình trên tạp âm (C/N) (dB)	≥ 43	
4	Khoảng cách giữa tần số sóng mang hình với tần số sóng mang tiếng với hệ màu PAL B/G (MHz)	5,5	
5	Tỷ lệ công suất sóng mang tín hiệu hình và tiếng (V/A) (dB)	13÷16	
6	Băng thông của mỗi kênh với hệ màu PAL B/G(MHz)	8	
7	Trễ nhóm	$\pm 100 \times 10^{-9}$	
8	Độ sai lệch tần số cao tần	VHF: ± 150 UHF: ± 200	
9	Sai lệch đáp tuyến biên độ tần số hình	± 2	
10	Tỷ lệ công suất sóng mang hình trên tạp âm	≥ 43	
11	Tỷ số tín hiệu trên tạp âm	≥ 45	

II. TRUYỀN HÌNH SỐ

STT	Tên chỉ tiêu	Mức theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia	Ghi chú
		QCVN 87:2015/BTTTT	
1	Mức tín hiệu cao tần với điều chế 256QAM đo tại điểm kết nối thuê bao (dB μ V)	54÷74	
2	Băng thông của mỗi kênh (MHz)	≤ 8	
3	Tỷ số lỗi điều chế (MER) với điều chế 256 QAM (dB)	> 32	
4	Tỷ lệ lỗi bit (BER)	$< 10^{-4}$	

